

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 6 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Sơn Ngọc Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Việt Khái.

Bà Phạm Hồng Ân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm bà Ni vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Ong Văn D, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2021 và các văn bản kèm theo bà Ngô Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 1999, bà và ông Ong Văn D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì giữa bà và ông D thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, bất đồng quan điểm, bà và ông D đã hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả, cả hai

không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 cho đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông D do đã sống ly thân nhiều năm. Nay bà yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn với ông Ong Văn D.

Về con chung: Có ba người con chung tên Ong Diệu H1 (giới tính nữ), sinh năm 2000, Ong Thị Mỹ H2 (giới tính nữ), sinh ngày 23/12/2003 và Ong Gia H3 (giới tính nữ), sinh ngày 09/6/2015. Hiện nay Ong Diệu H1 và Ong Thị Mỹ H2 đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu xem xét. Riêng cháu Ong Gia H3 khi ly hôn bà yêu cầu giao Gia H3 cho ông D nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Ngô Thị N xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Ông Ong Văn D đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông D vẫn không tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông D đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông D không cung cấp chứng cứ gì, ông D vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Bà Ngô Thị N xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 1999, bà N và ông D chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay dần không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Ngô Thị N xác định không còn tình cảm dành cho ông D và bà N cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Ngô Thị N và ông Ong Văn D không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Ngô Thị N và ông Ong Văn D đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy ông D không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với các yêu

cầu của bà N, ông D không có ý kiến gì. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Ngô Thị N và ông Ong Văn D không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống có ba người con chung tên Ong Diệu H1 (giới tính nữ), sinh năm 2000, Ong Thị Mỹ H2 (giới tính nữ), sinh ngày 23/12/2003 và Ong Gia H3 (giới tính nữ), sinh ngày 09/6/2015. Hiện nay Ong Diệu H1 và Ong Thị Mỹ H2 đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét. Riêng cháu Ong Gia H3 khi ly hôn bà N yêu cầu giao Gia H3 cho ông D nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, ông D không có ý kiến gì cũng không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận yêu cầu của bà N là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị N phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Ngô Thị N và ông Ong Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Ong Gia H3 (giới tính nữ), sinh ngày 09/6/2015 cho ông Ong Văn D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ngô Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ngô Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà Ngô Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0017636 ngày 25/02/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**